

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HS-PT

Ngày: 10- 4- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Đoàn
Ông Vũ Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị Kim D do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Yên Bái.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Thị Kim D- Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1973 tại Thị xã L, tỉnh Yên Bái; nơi ĐKKHKT: 105B, ngõ L, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội nơi cư trú: Tổ B, phường C, thị xã L, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công H và bà Đỗ Thị B; có chồng là Trần Thân V (đã ly hôn) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại tại tổ C A, phường T, thị xã L, tỉnh Yên Bái, có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Đinh Công N; những người có quyền lợi liên quan: chị Nguyễn Thị Hương G, anh Nguyễn Ngọc C không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 5/2015 Trần Thị Kim D nói với Đinh Công N là có khả năng xin được vào biên chế giáo viên mầm non, trên địa bàn huyện V và thị xã L, tỉnh Yên Bái, với chi phí là 150.000.000 đồng trên một chi

tiêu. Qua tìm hiểu Đinh Công N biết chị Nguyễn Thị Thanh T đang có nhu cầu xin vào biên chế giáo viên cho chị dâu là Nguyễn Thị Hương G, N gặp chị T và nói có thể xin được biên chế giáo viên mầm non trong kỳ tuyển dụng năm 2016, với chi phí là 180.000.000 đồng. Do tin tưởng N nên chị T đã giao trước cho N 150.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào có quyết định vào biên chế sẽ giao nốt, N nhận tiền, một tuần sau N dẫn vợ chồng chị G đến gặp D để nộp hồ sơ, D xem qua hồ sơ và hướng dẫn chị G cứ đem hồ sơ lên phòng giáo dục thị xã L, tỉnh Yên Bái đăng ký tham gia thi tuyển bình thường như các thí sinh khác, còn mọi thủ tục D sẽ lo hết. Khi phòng giáo dục thông báo kết quả chị G biết mình không trúng tuyển nên chị T yêu cầu N trả lại tiền. Lúc đầu N hứa sẽ hoàn trả, nhưng sau đó lại khất nợ nhiều lần và cố tình trốn tránh. Do không đòi được tiền, ngày 20/3/2017 chị T đã làm đơn tố cáo hành vi của Đinh Công N và Trần Thị Kim D lên cơ quan Công an thị xã L, tỉnh Yên Bái.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 40 ngày 28/6/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc, kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Trần Thị Kim D bị bệnh tâm thần: Rối loạn hoang sợ giai đoạn ổn định, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản án số: 01/2018/HSST, ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã L, tỉnh Yên Bái đã Quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Thị Kim D 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường C, thị xã L, tỉnh Yên Bái giám sát giáo dục. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đinh Công N, về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Tại quyết định kháng nghị số: 02/QĐ-VKS-P7 ngày 02/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L theo hướng không cho bị cáo Trần Thị Kim D được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị Kim D khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung của bản án sơ thẩm đã quy kết bị cáo, bị cáo không tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giữ nguyên mức hình phạt

03 năm tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nội dung: Lời khai của bị cáo Trần Thị Kim D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Đinh Công N và lời khai của người bị hại là Nguyễn Thị Hương G cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Bị cáo là người không có khả năng xin cho chị Nguyễn Thị Hương G vào biên chế giáo viên mầm non của Thị xã L, tỉnh Yên Bái. Nhưng thông qua các kênh thông tin khác, Trần Thị Kim D biết được năm 2016 Ủy ban thị xã L có tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục đào tạo năm học 2015 – 2016 nên D và Đinh Công N đã bàn bạc với nhau, nếu ai có nhu cầu xin việc vào giáo viên mầm non trên địa bàn thị xã L và huyện V thì nộp cho D và N số tiền là 150.000.000 đồng trên một hồ sơ. Do tin tưởng D và N ngày 18/01/2016 chị Nguyễn Thị Thanh T đã giao cho Đinh Công N số tiền 150. 000.000 để xin cho chị Nguyễn Thị Hương G vào làm giáo viên mầm non của thị xã L, nhưng Trần Thị Kim D và Đinh Công N không xin được mà đã chi tiêu hết số tiền trên. Với hành vi nêu trên của các bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Yên Bái, Hội đồng xét xử thấy: Do có quan hệ bạn bè với Đinh Công N, nên D nói với N: Xin được biên chế giáo viên mầm non trên địa bàn huyện V và thị xã L với chi phí 150.000.000 đồng trên một biên chế, xem ai có nhu cầu xin việc thì cùng nhau thực hiện, xong việc sẽ chia phần hoa hồng thu được, N đồng ý. Sau đó N là người trực tiếp giao dịch và thu tiền của người bị hại, D là người xem xét hồ sơ và hướng dẫn cho người bị hại nộp hồ sơ thi tuyển vào phòng giáo dục và đào tạo thị xã L và hứa với người bị hại còn mọi thủ tục D, N sẽ lo hết. Như vậy Trần Thị Kim D và Đinh Công N đều là những người trực tiếp thực hiện tội phạm nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này bị cáo Trần Thị Kim D là người chủ động bàn bạc và rủ Đinh Công N cùng thực hiện tội phạm. Do đó, D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với N như án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ. Tuy nhiên khi cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, bản án sơ thẩm đánh giá bị cáo D là người chủ mưu trong vụ án là chưa chính xác, làm bất lợi cho bị cáo trong việc xem xét áp dụng pháp luật dẫn đến bản án đã bị kháng nghị.

[2.1]. Khi quyết định hình phạt tòa án cấp đã xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường, bị cáo có mẹ đẻ được tặng thưởng huy chương kháng chiến được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, nhưng chưa đủ. Theo như kết luận giám định pháp y tâm thần số 40 ngày 28/6/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại Trần Thị Kim D bị bệnh tâm thần: Rối loạn hoang sợ giai đoạn ổn định đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi (BL 107-108). Như vậy, khi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo là thiếu cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo được hưởng. Tuy nhiên mức hình phạt với bị cáo D là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

[2.2]. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hiện tại một mình bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ, trong đó con nhỏ nhất sinh năm 2017.

[2.3]. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, xét về nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xem xét xử phạt bị cáo Trần Thị Kim D 03 năm tù và áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là đúng quy định pháp luật, không trái với nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái. Giữ nguyên quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Yên Bái

[3]. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Kim D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận quyết định kháng nghị số: 02/QĐ-VKSTP ngày 02/3/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2018/ HSST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Yên Bái như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Kim D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p, n khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Thị Kim D 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/01/2018).

Giao bị cáo cho UBND phường C, thị xã L, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Kim D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Kim D không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Đinh Công N, về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thị xã L;
- VKSND thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Bị cáo (tại ngoại);
- Lưu HS; HCTP; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trọng Hồng